

Số: 291 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 10 tháng 7 năm 2015

**BÁO CÁO**

**Sơ kết công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015  
và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện Quyết định số 110/QĐ-BNV ngày 02/3/2015 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch sơ kết công tác cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn II (2016-2020).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính (Viết tắt là CCHC) của tỉnh giai đoạn 2011-2015 như sau:

**Phần thứ nhất**

**SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH  
CHÍNH TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015**

**I. BỐI CẢNH**

Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn mà tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, nền kinh tế bị khủng hoảng tài chính và suy thoái; xung đột chính trị, tôn giáo xảy ra tại nhiều khu vực trên thế giới. Tình hình thế giới ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh tế trong nước nói chung và kinh tế của tỉnh nói riêng: Kinh tế phát triển chậm, giá cả leo thang, lạm phát ở mức cao,... Các chỉ tiêu kinh tế, xã hội cũng bị ảnh hưởng, nhiều chỉ tiêu không đạt theo kế hoạch đề ra.

Đây cũng là giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng Bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015. Do đó, lãnh đạo tỉnh thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện CCHC, coi CCHC là động lực, giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cơ quan phát triển quốc tế Đan Mạch (DANIDA) giai đoạn 2012 - 2015 (GOPA II), công tác CCHC trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự chuyển biến tích cực. Với sự hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật của DANIDA, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, công tác CCHC của tỉnh đã đạt những kết quả quan trọng, cụ thể: việc xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh được thực hiện khoa học và đảm bảo tính khả thi; thiết lập đội ngũ công chức chuyên trách CCHC từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Các cấp chính quyền chủ động hơn trong công tác CCHC; việc thực hiện CCHC mang tính trách nhiệm, giải trình cao hơn.



Đắk Nông là tỉnh được chia tách và tái thành lập đầu năm 2004. Đến nay, dân số của tỉnh khoảng trên 600 ngàn người, có 40 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và kế thừa, phát huy kết quả thực hiện CCHC trong giai đoạn trước, tỉnh Đắk Nông tiếp tục đẩy mạnh thực hiện CCHC nhằm phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh thu hút đầu tư; cải thiện Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), góp phần phát triển kinh tế, xã hội và giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

## **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI**

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Tỉnh Đắk Nông xác định CCHC là một trong những giải pháp tạo động lực và đột phá cho sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nên nhiệm vụ CCHC đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

### **1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể và Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể CBCC, VC và nhân dân những nội dung cơ bản, chủ yếu của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch thực hiện CCHC tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015. Ngoài ra, phổ biến, quán triệt các Nghị quyết, văn bản của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC. Qua đó, nhận thức về nhiệm vụ CCHC của lãnh đạo các ngành, các cấp, của đội ngũ CBCC, VC và nhân dân trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi CBCC, VC trong thực thi công vụ và nâng cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước; từng bước hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bộ máy hành chính trên địa bàn tỉnh.

### **2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Căn cứ nội dung của Chương trình tổng thể, các kế hoạch, đề án của Chính phủ; hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1015/QĐ-UBND, ngày 16/8/2012 về ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015. Kế hoạch của tỉnh triển khai trên 06 lĩnh vực cải cách hành chính theo quy định của Chính phủ. Năm 2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1636/QĐ-UBND, ngày 03/8/2013 về ban hành Chương trình hành động CCHC giai đoạn 2013-2015. Đây là cơ sở quan trọng để xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và kinh phí thực hiện để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ CCHC của tỉnh. Trong giai đoạn vừa qua, UBND tỉnh đã ban hành nhiều công văn chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện CCHC, riêng năm 2004, 2015, UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 1692/QĐ-UBND, ngày 06/11/2014 Quy định theo dõi, đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND, ngày



24/11/2014 về Quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quy định về cơ chế hoạt động, tiêu chí đánh giá xếp loại và tiêu chuẩn công chức của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 26/02/2015 về tăng cường thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh... Đây là cơ sở quan trọng trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 về kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Trưởng Ban, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan làm thành viên. Ban chỉ đạo đã ban hành quy chế làm việc, phân công rõ trách nhiệm cho các thành viên. Ban chỉ đạo ban hành Kế hoạch hoạt động để tham mưu, theo dõi các nội dung, lĩnh vực CCHC của tỉnh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm tiếp theo.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đẩy mạnh và áp dụng nhiều công cụ quản lý mới trong quản lý, như áp dụng hệ thống quản lý theo kết quả (PMS) tại Trung tâm Xúc tiến Đầu tư; thí điểm xây dựng đề án mô tả vị trí việc làm của CBCS tại UBND huyện Krông Nô (năm 2012); xây dựng đề án tuyển dụng công chức cấp xã theo hình thức thi tuyển cạnh tranh (năm 2011); xây dựng bộ đề thi mẫu trong tuyển dụng viên chức; xây dựng đề án thí điểm thi tuyển lãnh đạo cấp phòng; quy định về theo dõi, đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; ... Sở Nội vụ tiếp tục phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị. Ban quản lý chương trình CCHC của tỉnh đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cả về kinh phí, kỹ thuật, chuyên gia trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

Hàng năm, căn cứ quy định của trung ương và tình hình thực tế tại tỉnh, UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch triển khai công tác CCHC cụ thể, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, kết quả đầu ra, hoạt động, sản phẩm, kinh phí và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện các kế hoạch hàng năm của tỉnh đều đạt tỷ lệ cao (trung bình đạt khoảng trên 80% kế hoạch đề ra).

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành chú trọng đến việc xây dựng, ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn và hàng năm để thực hiện nhiệm vụ CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Một số cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch CCHC hàng năm và giai đoạn, như: Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, UBND huyện Cư jut,...

### **3. Công tác kiểm tra thực hiện CCHC**

Hàng năm, cùng với ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện công tác CCHC hoặc kiểm tra theo từng chuyên đề tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Số lượng cơ quan, đơn vị kiểm tra qua các năm trung bình đạt khoảng 30% trong tổng số các cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra, với vai trò là cơ quan đầu mối trong thực hiện CCHC, Sở Nội vụ tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra về tình hình thực hiện công tác CCHC của



các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Việc kiểm tra, giám sát công tác CCHC còn có sự tham gia của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông và các cơ quan liên quan khác.

Trong thời gian qua, tỉnh tổ chức khoảng 35 cuộc thanh, kiểm tra, bình quân mỗi sở, ngành của tỉnh ít nhất 03 năm kiểm tra một lần; mỗi huyện, thị xã ít nhất 02 năm kiểm tra một lần và mỗi xã, phường, thị trấn ít nhất 03 năm kiểm tra một lần. Ngoài ra, trong thời gian qua, tỉnh tổ chức nhiều cuộc thanh tra chuyên đề, như: Thanh tra chuyên đề về TTHC thuộc lĩnh vực đầu tư; thanh tra chuyên đề về giải phóng mặt bằng, ... Đặc biệt, trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã thành lập và tổ chức Đoàn thanh tra công vụ liên ngành với mục đích thanh tra và xử lý kịp thời các trường hợp CBCC, VC vi phạm quy chế làm việc, vi phạm đạo đức công vụ.

UBND các huyện, thị xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, yếu kém trong thi hành công vụ; đồng thời thành lập những đoàn kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện lề lối làm việc, tác phong và giờ giấc làm việc theo Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2014, UBND huyện Tuy Đức đã thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra 82 lượt tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong đó phát hiện, xử lý 16 trường hợp cán bộ, công chức vi phạm quy định; UBND huyện Krông Nô cũng đã tổ chức kiểm tra, đã phát hiện, xử lý 05 trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật.

Nhìn chung, qua các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện những tồn tại hạn chế về cơ chế, chính sách trong thực hiện CCHC, công vụ, công chức và các lĩnh vực theo chuyên đề liên quan khác. Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã phát hiện, xử lý trên 200 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy chế làm việc và đạo đức công vụ trong thực thi nhiệm vụ; khắc phục những yếu kém, thiếu sót trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Công tác thông tin, tuyên truyền**

Xác định đây là nhiệm vụ chung của các ngành, các cấp; công tác thông tin, tuyên truyền đã được thực hiện đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung như: thông tin cổ động; phóng sự trên Báo, Đài, tờ rơi, tổ chức các hội thi, cuộc thi, diễn đàn về cải cách hành chính...

Việc xây dựng và đăng tải các chuyên trang, chuyên mục về CCHC trên Báo Đắk Nông, trên Đài Phát thanh & Truyền hình tỉnh được thực hiện thường xuyên và hiệu quả. Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã xây dựng và đăng tải khoảng 60 chuyên trang, chuyên mục CCHC trên Báo Đắk Nông; phát sóng khoảng 40 chuyên mục trên Đài phát thanh & truyền hình tỉnh và 04 phóng sự có tính chuyên sâu nhằm tuyên truyền rộng rãi các nội dung về cải cách hành chính đến CBCC, VC, người dân, doanh nghiệp. Thông tin liên quan đến cải cách TTHC, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, những gương cá nhân tập thể điển hình trong thực hiện công tác CCHC.



Tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung CCHC đến đoàn viên, thanh niên là cán bộ, công chức trẻ đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tổ chức 02 diễn đàn “Thanh niên với CCHC”; tổ chức 02 hội thi “ Thanh niên tỉnh Đắk Nông với công tác CCHC”; tổ chức tuyên dương 20 gương mặt đoàn viên thanh niên tiêu biểu trong CCHC; tuyên dương 20 ý tưởng sáng tạo trong CCHC. Thông qua các hội thi, cuộc thi và diễn đàn đã thu hút sự tham gia của hàng nghìn đoàn viên thanh niên là cán bộ, công chức trẻ đang làm việc tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh, đây là sân chơi lành mạnh, bổ ích cho đội ngũ cán bộ, công chức trẻ trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh tổ chức tuyên truyền các nội dung về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên bang tờ rơi thông qua 02 thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng M’Nông), tỉnh đã in và phát hành khoảng trên 2000 tờ rơi truyền truyền, được phát đến 71 xã, phường, thị trấn để người dân nắm bắt cụ thể các thông tin về cơ chế một cửa, từng bước nâng cao trách nhiệm giám sát của người dân đối với hoạt động của chính quyền cơ sở.

Tại địa bàn các huyện, thị xã cũng đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền nội dung về cải cách hành chính thông qua Đài phát thanh, các cuộc họp khu phố, tổ dân phố, họp thôn hoặc tổ chức tuyên truyền thông qua các tuyên truyền viên về pháp luật để người dân nắm bắt đầy đủ các thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật và tình hình thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Tại huyện Krông Nô đã tổ chức hội thi “Tuổi trẻ Krông Nô với công tác CCHC”. Đây cũng là điểm sáng trong thực hiện công tác tuyên truyền CCHC tại cơ sở.

Ngoài ra, tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá hình ảnh, tiềm năng và các thế mạnh của tỉnh trên Báo, Đài Trung ương nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Nhìn chung, công tác thông tin tuyên truyền về CCHC đã phản ánh những vấn đề, tình huống cụ thể đã giúp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hiểu rõ và nắm bắt kịp thời về chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh; đã kịp thời phát hiện những nơi làm tốt, những nơi làm chưa tốt, chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **5. Nhận xét, đánh giá chung về công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC**

Trong giai đoạn vừa qua, công tác chỉ đạo điều hành về CCHC được thực hiện quyết liệt, thường xuyên và sâu sát của Đảng uỷ, chính quyền các cấp. UBND tỉnh ban hành nhiều kế hoạch, chương trình và văn bản chỉ đạo kịp thời, phù hợp, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ CCHC đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đó là:

- Sự chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các ngành, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC chưa thật sự quyết liệt, còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào cơ quan đầu mối; một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch CCHC giai đoạn, hàng năm nên trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC còn lúng túng, bị động, chậm trễ và chưa toàn diện.

- Một bộ phận CBCC, VC chưa nhận thức đầy đủ về CCHC nên còn có thái độ thờ ơ trước yêu cầu của công cuộc đổi mới và nhu cầu giải quyết dịch vụ



hành chính ngày càng cao của người dân, doanh nghiệp, dẫn đến kết quả thực hiện CCHC tại một số cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả, chưa để lại ấn tượng tốt cho người dân, doanh nghiệp.

- Hàng năm, tỉnh tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, tuy nhiên việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra chưa được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chưa giám sát chặt chẽ. Ngoài ra, việc xử lý các trường hợp và hành vi sai phạm trong thực hiện CCHC chưa nghiêm, chưa triệt để.

- Công tác thông tin tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh thực hiện nhưng nội dung tuyên truyền chưa đầy đủ. Ngoài ra, CCHC là lĩnh vực phức tạp, cần có sự hiểu biết sâu sắc; trong khi đó trình độ dân trí của người dân trên địa bàn tỉnh còn thấp nên nhận thức về CCHC chưa toàn diện, chưa nắm bắt đầy đủ các chủ trương về CCHC nên một bộ phận người dân khi giao dịch với cơ quan nhà nước còn thực hiện theo thói quen và lề lối cũ hoặc chi trả nhiều khoản chi phí không chính thức khi giao dịch hành chính.

### **III. ĐÁNH GIÁ SƠ KẾT CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Cải cách thể chế**

##### **1.1. Kết quả đạt được**

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản QPPL của HĐND, UBND, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP, ngày 06/9/2006 của Chính phủ và tình hình thực tế tại tỉnh. Công tác xây dựng văn bản QPPL được triển khai theo đúng quy định. UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 25/2014/QĐ –UBND, ngày 06/11/2014 quy định về quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL của HĐND –UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Đa phần các văn bản QPPL của tỉnh đã có tính dự báo, bảo đảm đã thể chế hóa được các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực và giải quyết những vấn đề cấp bách, bức thiết và các mối quan hệ xã hội phát sinh trong thực tế.

Từ năm 2011 đến nay, HĐND - UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành mới 213 văn bản QPPL, trong đó có 77 Nghị quyết và 136 Quyết định, Chỉ thị. Nhìn chung, công tác xây dựng văn bản QPPL được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp. 100% văn bản QPPL của tỉnh được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan và chuyển đến cơ quan tư pháp thẩm định theo quy trình quy định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Đối với các văn bản QPPL có phạm vi điều chỉnh rộng, ngoài việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, các cơ quan, đơn vị còn tổ chức các cuộc họp hoặc các hội thảo góp ý kiến; qua đó góp phần nâng cao chất lượng văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh. Điều này thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng trong việc tham mưu, ban hành các văn bản QPPL của tỉnh, đảm bảo chất lượng văn bản ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL đã được chú trọng và thực hiện thường xuyên, từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tổ chức rà soát 766 văn bản. Qua rà soát, có 63 văn bản đề nghị bổ sung, thay thế; 38 văn bản đề nghị huỷ bỏ, bãi bỏ.



Riêng năm 2014, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch về việc rà soát các văn bản trái với Hiến pháp. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã lập danh mục, đề xuất các văn bản cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với Hiến pháp. Tổng số văn bản rà soát, hệ thống hoá là 935 văn bản; qua rà soát pháp hiện 61 văn bản QPPL không phù hợp với Hiến pháp và các văn bản cấp trên. Sau rà soát, các cơ quan, đơn vị đã đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Công tác kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm theo lĩnh vực, địa bàn kết hợp với việc thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành văn bản QPPL. Kết quả từ năm 2011 đến nay, tỉnh tổ chức các cơ quan, đơn vị tự kiểm tra 95 văn bản, phát hiện 13 văn bản trái quy định của pháp luật hiện hành cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung. Đồng thời tổ chức kiểm tra 196 văn bản, phát hiện 91 văn bản không phù hợp, các cơ quan, đơn vị đã có kiến nghị, đề xuất kịp thời.

Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế hàng năm, tỉnh tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên một số lĩnh vực nhạy cảm và có trọng tâm, trọng điểm, như: tình hình thi hành pháp luật trong hoạt động bảo vệ và phát triển rừng (năm 2011), thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, phí, lệ phí và một số khoản thu tại Chi cục Thuế, các phòng ban chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã (năm 2012); tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực tư pháp (năm 2013); lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (năm 2015),...

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng soạn thảo văn bản QPPL cho 160 CBCC trực tiếp tham mưu văn bản QPPL tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Thông qua các lớp tổ chức bồi dưỡng, kiến thức, kỹ năng soạn thảo văn bản QPPL của CBCC trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao.

Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật luôn được tỉnh chỉ đạo thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm, tỉnh đã tổ chức các đợt tuyên truyền cao điểm như pháp luật về đất đai, môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống ma túy, tội phạm; tệ nạn mua bán người, bảo vệ rừng, đặc biệt là pháp luật về an toàn giao thông. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật hướng tới các đối tượng là cán bộ chính quyền, đoàn thể ở địa phương, các cộng tác viên, hòa giải viên,... và đông đảo quần chúng nhân dân (đặc biệt chú trọng đến các đối tượng là thanh thiếu niên, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu, vùng xa). Hình thức tuyên truyền được đa dạng, phong phú, chất lượng tuyên truyền được nâng lên: tuyên truyền thông qua Hội nghị, ngoài ra thông qua hệ thống loa đài phát thanh, truyền hình của địa phương cũng đã tuyên truyền kiến thức pháp luật cho một số lượng lớn nhân dân tiếp thu, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Tỉnh đã thực hiện tốt kế hoạch tuyên truyền Hiến pháp năm 2013 đến các tầng lớp nhân dân, tổ chức cuộc thi “Chủ tịch xã với pháp luật”, cuộc thi “Tìm hiểu Hiến pháp năm 2013”... Qua công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của đội ngũ CBCC, VC và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, Công tác xây dựng, ban hành và phổ biến văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đã đổi mới, đi vào nề nếp, nội dung phù hợp với các



quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương, nhiều chủ trương, chính sách hợp lòng dân đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh, như: Chính sách khuyến khích xã hội hoá, chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp chất lượng cao,... Góp phần cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh, thu hút dự án đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội và giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Công tác kiểm tra văn bản được triển khai và giao nhiệm vụ cụ thể, tạo cho các cấp, các ngành xem xét cẩn trọng cả hình thức, nội dung văn bản trước khi ban hành hoặc tham mưu ban hành nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu lực của văn bản. Công tác rà soát văn bản, kiểm tra và hệ thống hoá văn bản QPPL được quan tâm kịp thời, những văn bản còn hiệu lực được hệ thống theo ngành, lĩnh vực, tạo thuận lợi cho việc truy cập, tìm kiếm thông tin quản lý. Do đó, chỉ số về tính công khai, minh bạch thông tin của tỉnh (chỉ số thành phần của PCI) đã có sự cải thiện rõ nét, tăng từ 4,66 điểm (năm 2011) lên 6,53 điểm (năm 2013) và 5,98 điểm (năm 2014).

## **1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện cải cách thể chế vẫn còn những hạn chế, cần khắc phục như:

Vẫn còn tình trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật chậm so với kế hoạch đã đề ra, từ năm 2011 đến năm 2014, tỷ lệ ban hành văn bản QPPL không đạt được mục tiêu, chương trình, kế hoạch đề ra: Năm 2011, tổng số văn bản được ban hành là 48/62, đạt 77%. Năm 2012, số văn bản được ban hành là 50/86, đạt 58%,... Như vậy, tình trạng chậm trễ, không kịp thời trong tham mưu ban hành văn bản QPPL vẫn tồn tại, dẫn đến sự ì trệ trong công tác quản lý, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực bị buông lỏng; không đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội.

Số lượng văn bản quy phạm tham mưu ban hành tuy nhiều nhưng nội dung một số văn bản thiếu chiều sâu, chỉ mới điều chỉnh cơ bản các mối quan hệ xã hội hiện tại mà chưa đưa ra được tính dự báo và định hướng một cách lâu dài. Do đó, một số văn bản QPPL sớm ban hành nhưng cũng sớm bị bãi bỏ, bổ sung hoặc thay thế như ở các lĩnh vực: giải phóng mặt bằng, đất đai, xây dựng, chính sách - xã hội, bảo vệ rừng,...

Chưa có chế tài xử lý trách nhiệm cụ thể đối với các trường hợp tham mưu ban hành hoặc ban hành các văn bản QPPL không đáp ứng yêu cầu nên các cơ quan, đơn vị chưa thực sự chú trọng, quan tâm đến chất lượng và tính khả thi trong việc tham mưu, ban hành các văn bản QPPL.

Công tác rà soát văn bản hàng năm có triển khai thực hiện thường xuyên, nhưng chất lượng công tác rà soát chưa hiệu quả, chỉ dừng lại ở mức rà soát số lượng, thời hiệu, hiệu lực của văn bản mà chưa chú trọng đến rà soát nội dung, tính phù hợp, tính khả thi của các văn bản so với thực tế; một số văn bản không còn phù hợp nhưng việc điều chỉnh, bổ sung chưa kịp thời, như: Quy hoạch phát triển các ngành; quy hoạch phát triển xã hội hóa giáo dục, đào tạo; y tế, thể dục và môi trường,...



Vẫn chưa khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Việc tham mưu cụ thể hóa các văn bản của Trung ương chưa chủ động, kịp thời, công tác phối hợp trong xây dựng văn bản chưa tốt (với hình thức góp ý bằng văn bản, đa số các cơ quan, đơn vị được gửi góp ý chưa nghiên cứu sâu để góp ý, đa phần các ý kiến góp ý đều thông nhất dự thảo của đơn vị chủ trì).

Đa phần các văn bản QPPL có phạm vi áp dụng rộng nhưng cơ quan nhà nước chưa thực hiện tốt việc tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh nên nhiều văn bản QPPL ban hành chưa nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân hoặc văn bản thiếu tính khả thi: văn bản thuộc lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, quy hoạch sử dụng đất, chính sách xã hội,...

Trong công tác chỉ đạo hướng dẫn thi hành và áp dụng pháp luật vẫn còn một số văn bản QPPL chưa được chính quyền các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ nên hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa cao.

Tại cấp huyện và cấp xã, việc ban hành văn bản QPPL còn nhiều sai sót cả về hình thức và nội dung, nhiều văn bản có nội dung không chứa quy phạm nhưng lại được ban hành dưới hình thức văn bản QPPL. Trong khi đó, công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL chưa được quan tâm và thực hiện thường xuyên, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ ngành tư pháp tại cấp huyện, xã còn hạn chế, lại thường xuyên có sự luân chuyển vị trí công tác nên hiệu quả tham mưu chưa cao. Việc niêm yết, công khai văn bản QPPL ở cấp xã không hiệu quả do rất ít người dân tìm hiểu nên việc niêm yết chỉ mang tính hình thức.

Một bộ phận CBCC hạn chế về trình độ, kỹ thuật soạn thảo văn bản QPPL, tầm nhìn hạn chế; chưa tổ chức nghiên cứu tình hình thực tế, sưu tập tài liệu, tư liệu phục vụ, không đủ lượng thông tin cần thiết để phục vụ cho việc soạn thảo văn bản nên chất lượng soạn thảo các văn bản QPPL của tỉnh chưa cao.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Những năm qua, công tác cải cách thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC) được xem là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá trong cải cách hành chính nhằm công khai, minh bạch tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận với dịch vụ hành chính công. Với 02 nhiệm vụ chính là: Đơn giản hoá thủ tục hành chính và thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước.

### **2.1. Kết quả đạt được**

a) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương:

Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, hàng năm ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC, kế hoạch rà soát TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước để các cơ quan, đơn vị có cơ sở triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Qua 05 năm thực hiện, lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Đắk Nông đã đạt được nhiều kết quả tích cực; tạo thuận lợi



cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính. 100% TTHC được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

#### b) Kiểm soát thủ tục hành chính

Từ năm 2011 đến nay, tỉnh tổ chức đánh giá 18 văn bản có quy định TTHC, trong đó có 40 TTHC được đánh giá tác động theo đúng quy định. 100% TTHC mới ban hành được cơ quan chức năng tổ chức đánh giá tác động theo đúng quy định và thực hiện công bố, công khai, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng ban hành, hiệu quả thực hiện các quy định hành chính, thủ tục hành chính của tỉnh.

Qua rà soát cho thấy, đến nay số TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh là 1.791 TTHC (tăng so với năm 2010 là 300 TTHC), trong đó, TTHC tại cấp tỉnh là 1.226 TTHC, bộ TTHC cấp huyện là 344 TTHC, bộ TTHC cấp xã là 221 TTHC. Việc tăng TTHC so với giai đoạn trước chủ yếu là do các văn bản của trung ương có quy định TTHC mới.

Công tác đơn giản hoá TTHC được thực hiện thường xuyên, trong giai đoạn vừa qua, tỉnh tổ chức rà soát 392 TTHC. Sau rà soát, đã đề nghị sửa đổi, bổ sung 07 TTHC và đơn giản hoá 03 TTHC. Đồng thời Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố, công khai 784 TTHC (bao gồm cả TTHC ban hành mới và sửa đổi, bổ sung), quyết định bãi bỏ, huỷ bỏ trên 200 TTHC không còn hiệu lực.

Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã đã thực hiện nghiêm túc công khai TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (đạt 100%). Đặc biệt, tại UBND các huyện, thị xã, TTHC đã được tích hợp trên máy tích hợp màn hình cảm ứng, đặt tại Bộ phận một cửa, thuận lợi, tiện ích cho việc tra cứu thông tin về TTHC chính xác, kịp thời.

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về các quy định hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ –CP, ngày 14/02/2008 của Chính phủ. UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND, ngày 02/6/2014 về ban hành quy chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (thay thế Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND, ngày 05/10/2010 của UBND tỉnh). Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị đã mở hộp thư góp ý, công khai số điện thoại chuyên dùng trên các Trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại Bộ phận một cửa để cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện phản ánh, kiến nghị kịp thời.

Trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức tiếp nhận 62 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và hành vi hành chính, đồng thời đã xử lý 57 phản ánh, kiến nghị, đạt 92% (có 05 phản ánh, kiến nghị đang trong quá trình giải quyết). Bước đầu, cá nhân, tổ chức tiếp cận cơ chế và có phản ánh kịp thời để các cơ quan quản lý nắm bắt, giải quyết. Đây là kênh tiếp nhận và phản hồi các ý kiến của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nhanh chóng, chính xác. Qua đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp kịp thời.



c) Tình hình và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tiếp tục duy trì thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã có 19/19 sở, ban, ngành, đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa, đạt 100%. Từ khi áp dụng cơ chế 01 cửa, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng, trách nhiệm, hiệu quả hơn trước rất nhiều. Các giao dịch thực hiện tại Bộ phận Một cửa được thực hiện chuyên nghiệp, đúng quy trình.

Có 8/8 đơn vị cấp huyện đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa điện tử, đạt 100% so với kế hoạch giai đoạn đề ra, việc thực hiện một cửa điện tử tại cấp huyện được thực hiện với trang thiết bị làm việc hiện đại, phần mềm một cửa điện tử được xác lập với quy trình, thời gian và trách nhiệm giải quyết các TTHC cụ thể, rõ ràng. Hiện nay, việc thực hiện cơ chế một cửa điện tử đã ổn định và hoạt động hiệu quả. Việc kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa được thực hiện thông qua hệ thống Camera trực tuyến. Đây là cách đổi mới căn bản trong thực hiện kiểm tra, giám sát, qua đó, ý thức và trách nhiệm của CBCC làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện được nâng cao.

Có 71/71 đơn vị xã, phường, thị trấn đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa, đạt 100%. Có 20/71 đơn vị cấp xã đã và đang triển khai áp dụng một cửa điện tử liên thông, đạt trên 28%. Qua thực tế cho thấy, khi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện các TTHC như giảm chi phí đi lại, giảm thời gian chờ đợi, thuận tiện, đơn giản rõ ràng trong giải quyết hồ sơ. Qua đó, phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Ngoài ra, tinh thần trách nhiệm và năng lực làm việc của cán bộ, công chức tốt hơn, góp phần quan trọng để nâng cao tính dân chủ ở cơ sở.

Việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông đã áp dụng tại một số lĩnh vực, như: Đăng ký doanh nghiệp; đầu tư, đất đai, lao động, thương binh & xã hội, tài nguyên và môi trường. Ngoài ra, tỉnh thực hiện cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên lĩnh vực đất đai, lao động, thương binh - xã hội tại 100% đơn vị cấp xã, huyện cũng góp phần giảm chi phí đi lại và thời gian cho người dân khi tham gia giải quyết TTHC.

Trên 80% cơ quan, đơn vị đã bố trí phòng làm việc riêng cho Bộ phận Một cửa, đồng thời đã bố trí các trang thiết bị làm việc cần thiết cho hoạt động của Bộ phận Một cửa như: máy tính, máy in, máy phô tô, bàn, ghế làm việc,... Trong đó, có 40% cơ quan cấp tỉnh, 90% đơn vị hành chính cấp huyện và 40% đơn vị hành chính cấp xã bố trí phòng làm việc đúng diện tích theo quy định; có trên 30% người dân đánh giá cơ sở vật chất của cấp huyện, cấp tỉnh đầy đủ, hiện đại, tỷ lệ này tại cấp xã đạt 23%. Một số cơ quan, đơn vị đã bố trí khu vực ngồi chờ cho tổ chức, công dân khi đến giao dịch và bố trí bàn, ghế viết hồ sơ, ghế ngồi chờ; nước uống,... Tạo tâm lý thoải mái cho tổ chức, công dân khi đến giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước.

Qua quá trình thực hiện cho thấy, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và một cửa hiện đại đã góp phần nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ hành



chính, cũng như tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Mặt khác, góp phần điều chỉnh mối quan hệ giữa người dân và cơ quan nhà nước theo hướng thân thiện, tích cực. Từng bước nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, hướng đến thực hiện thành công mục tiêu chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020. Kết quả cuộc khảo sát năm 2013 cho thấy, mức độ hài lòng của tổ chức, công dân về việc cung cấp dịch vụ hành chính thông qua bộ phận một cửa các cấp đạt trên 80%; kết quả này cho thấy việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được người dân, doanh nghiệp đồng tình, ủng hộ cao.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

Tại một số đơn vị, lãnh đạo chưa thực sự quan tâm chỉ đạo công tác cải cách TTHC, dẫn đến việc rà soát, đơn giản hóa TTHC chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; việc cập nhật các TTHC mới, bổ sung hoặc thay thế và công bố, công khai còn chậm, như TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, khoáng sản,...

Thành phần hồ sơ chưa được đơn giản tối đa hoặc đã thực hiện đơn giản thành phần hồ sơ nhưng các đơn vị chưa tham mưu, trình UBND tỉnh công bố công khai. Tại một số đơn vị còn tình trạng tiếp nhận giấy tờ ngoài thành phần hồ sơ quy định tại Bộ thủ tục hành chính đã quy định, như: lĩnh vực về đất đai tại cấp huyện, thủ tục xin chủ đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, ... Gây khó khăn cho tổ chức, công dân trong việc giải quyết công việc.

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn vẫn chiếm tỷ lệ cao, nhất là lĩnh vực đất đai; lao động thương binh và xã hội tại cấp huyện, cấp xã (chiếm khoảng 30-40% tổng số hồ sơ đã tiếp nhận).

Ý thức trách nhiệm thi hành công vụ, thái độ phục vụ nhân dân của đa số cán bộ, công chức tuy đã có chuyển biến nhưng còn chậm. Trong việc tiếp nhận, hướng dẫn và giải thích hồ sơ cho người dân không được thoả đáng, đầy đủ dẫn đến người dân phải đi lại nhiều lần và vẫn phải chi trả nhiều chi phí không chính thức. Theo đánh giá của người dân thì có khoảng trên 50% CBCC làm việc tại Bộ phận Một cửa hướng dẫn người dân thoả đáng, số còn lại hướng dẫn người dân qua loa hoặc không hướng dẫn.

Hiện nay, các đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế một cửa điện tử nhưng chưa có cơ chế phối hợp với các cơ quan ngành dọc đóng chân trên địa bàn huyện như: thuế, kho bạc... để giải quyết hồ sơ triệt để cho người dân. Người dân, doanh nghiệp vẫn phải đi lại nhiều lần trong quá trình giải quyết một TTHC. Tính trung bình khi giải quyết một TTHC về đất đai tại cấp huyện, người dân vẫn phải đi lại từ 4 -5 lần (*nộp hồ sơ → đến cơ quan thuế nhận tờ khai thuế → đến Kho bạc nhà nước đóng tiền → về nộp phiếu thu tiền tại Bộ phận một cửa → đi nhận kết quả giải quyết*).

Việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa chưa được tốt, như: không đầy đủ, thiếu thông tin, không cập nhật kịp thời các quy định mới. Thậm chí có nơi công khai thủ tục nhưng lại thiếu mẫu đơn, mẫu tờ



khai. Công khai chỉ mang tính hình thức, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp tìm hiểu thông tin về TTHC.

Hiện nay, tại địa phương, việc giao nhiệm vụ cải cách TTHC cho cơ quan đầu mối là Sở Tư pháp và việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giao cho cơ quan đầu mối là Sở Nội vụ. Do đó, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan chưa có sự phối hợp chặt chẽ, việc triển khai thực hiện chưa thống nhất, gây khó khăn, lúng túng cho cơ quan, đơn vị thực hiện.

Mặc dù tỉnh đã có cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân, tuy nhiên chưa có một cơ chế pháp lý đủ mạnh để ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp. Dẫn đến có một nghịch lý diễn ra là người dân, doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị rất nhiều nhưng số lượng tiếp nhận qua các năm rất ít (62 phản ánh, kiến nghị), có năm trong báo cáo của các cơ quan, đơn vị không tiếp nhận được phản ánh, kiến nghị nào.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

#### **3.1. Kết quả đạt được:**

##### **a) Kiện toàn, sắp xếp lại các cơ quan hành chính**

Trong giai đoạn vừa qua, việc tổ chức, sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được thực hiện theo Nghị định số 13,14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Công văn số 426/BNV-TCBC ngày 18/02/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn các bước triển khai thực hiện Nghị định số 13, 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, cụ thể:

Các cơ quan chuyên môn thuộc cấp tỉnh có 19 cơ quan. Trong đó có 17 cơ quan được tổ chức theo Nghị định số 13/NĐ-CP và 02 cơ quan được tổ chức theo đặc thù của tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh, Sở Ngoại vụ); giảm 04 cơ quan so với tổ chức theo Nghị định số 171/2004/NĐ-CP đó là: Sở Thể dục Thể thao; Sở Thương mại và Du lịch; Ban Tôn giáo và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các huyện, thị xã có 12 Phòng chuyên môn. Trong đó có 10 phòng chuyên môn được tổ chức thống nhất theo Nghị định và 02 phòng chuyên môn được tổ chức theo đặc thù của tỉnh; giảm 01 so với cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn được bố trí trước đây theo Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, ngày 04/04/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ - CP, ngày 05/05/2014 của Chính phủ, trên cơ sở quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức của sở theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã rà soát chức năng, nhiệm vụ, đề xuất kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, bộ máy cho phù hợp với quy định và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn để có cơ sở ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.



Biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp của tỉnh tiếp tục được thực hiện theo quyết định phân bổ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Trong thời gian qua, tỉnh đã tiến hành kiểm tra, rà soát tổng số biên chế hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tổng số biên chế của tỉnh 16.287 biên chế, trong đó: số lượng biên chế hành chính là 2.168, tăng so với năm 2010 là 49 biên chế và số lượng biên chế sự nghiệp là 14.119, tăng so với năm 2010 là 1276 biên chế.

Việc tăng biên chế sự nghiệp chủ yếu do tăng số trường, lớp ngành học mầm non, phổ thông và bổ túc văn hóa, tăng số ngành học của giáo dục trung học, tăng trường lớp và cơ sở đào tạo nghề công lập, tăng số giường bệnh và cơ sở y tế công lập và thành lập mới một số đơn vị sự nghiệp sau khi tách chức năng hoạt động sự nghiệp ra khỏi cơ quan quản lý hành chính nhà nước,...

Việc tổ chức sắp xếp kiện toàn, tổ chức bộ máy cơ quan HCNN các cấp từ cấp tỉnh đến cấp huyện đảm bảo quy trình quy định của nhà nước. Các cơ quan, đơn vị sau khi thành lập, kiện toàn đều ban hành quy chế làm việc phù hợp với điều kiện làm việc của từng cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

#### b) Về phân cấp quản lý

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 08/2004/NQ-CP, ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. UBND tỉnh Đắk Nông đã thực hiện phân cấp trên 06 lĩnh vực theo định hướng của Chính phủ, gồm: Phân cấp quản lý quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý đất đai, tài nguyên, tài sản nhà nước, phân cấp quản lý doanh nghiệp nhà nước, phân cấp quản lý các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công, phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã thực hiện phân cấp, uỷ quyền một số nội dung khác như: phân cấp quản lý nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; phân cấp đào tạo, bồi dưỡng; phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; chứng thực; hộ tịch; quản lý giáo dục; giải quyết trợ cấp xã hội... Đồng thời, trong năm 2014, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, đề xuất các nhiệm vụ, lĩnh vực đã được phân cấp, uỷ quyền để tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong giai đoạn tới.

Nhìn chung, việc tổ chức, sắp xếp và kiện toàn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đúng theo quy định của Chính phủ. Tổ chức bộ máy của các ngành, các cấp được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối và thực hiện chức năng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đã giảm đáng kể các nhiệm vụ chồng chéo, trùng lặp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của cơ quan hành chính các cấp. Biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp được bố trí theo yêu cầu phát triển của từng cơ quan, đơn vị, đúng đủ theo các định mức hiện hành của nhà nước và phân cấp quản lý của Chính phủ. Việc phân cấp quản lý đã phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các ngành, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### **3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

Việc quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên có sự thay đổi. Tổ chức



bộ máy hành chính đã giảm đầu mỗi quản lý so với trước đây, nhưng số đơn vị trực thuộc chưa giảm, ít nhiều gây khó khăn về tổ chức bộ máy cũng như tăng nhu cầu biên chế.

Việc thực hiện phân cấp quản lý ở một số lĩnh vực chưa đồng bộ chưa phù hợp với nguồn lực: như năng lực CBCC chưa đáp ứng nhiệm vụ khi phân cấp, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đã được phân cấp. Ngoài ra, việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp chưa được thực hiện chặt chẽ, thường xuyên, dẫn đến việc thực hiện phân cấp quản lý trên các lĩnh vực còn chậm, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa cao.

Sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp với nhau chưa được thông suốt nên tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm còn tương đối phổ biến.

Trong giai đoạn vừa qua, việc chỉ đạo thực hiện tinh giản biên chế chưa thật sự triệt để, còn hiện tượng nể nang và chủ yếu là giải quyết chính sách theo nguyện vọng cá nhân.

Hệ thống văn bản thể chế về cơ chế, quy trình, cách thức, thời gian và trách nhiệm phối hợp trong giải quyết công việc giữa cơ quan Đảng và chính quyền chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong các văn bản QPPL nên việc thực hiện nhiều nhiệm vụ liên quan còn trì trệ, kéo dài.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC**

##### **4.1. Kết quả đạt được:**

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg, ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ:

Tỉnh đã tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về các nội dung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức thông qua các văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan, đề cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và vai trò cá nhân của người đứng đầu trong thực thi công vụ và cải cách hành chính.

Năm 2013, UBND tỉnh đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 572/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ngày 26/4/2013. Đồng thời ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013-2015 (Quyết định số 1486/QĐ-UBND, ngày 20/9/2013). Kế hoạch đã nêu cụ thể từng nhiệm vụ cụ thể đối với từng nội dung của các cơ quan, đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp trong quá trình thực hiện cải cách công vụ, công chức.

Trong giai đoạn vừa qua, triển khai các quy định của Trung ương, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy định về chế độ công vụ, công chức trên địa bàn tỉnh, như Quyết định 18/2012/QĐ-UBND, ngày 21/9/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND, ngày 09/3/2012 của UBND tỉnh ban hành các chính sách



phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông; quyết định số 25/2013/QĐ - UBND, ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Chỉ thị 17/CT -UBND, ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của CBCC, VC,... Đây là cơ sở quan trọng góp phần hoàn thiện thể chế hành chính về công vụ, công chức trên địa bàn tỉnh, là điều kiện quan trọng để kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 17/CT-UBND, ngày 07/8/2013 về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời tăng cường thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh,... Qua theo dõi và kiểm tra cho thấy, phần lớn cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh chấp hành nghiêm túc các quy định tại Chỉ thị, có ý thức và trách nhiệm trong thực thi công vụ và giải quyết công việc cho công dân, tổ chức.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 06/2014/QĐ -UBND, ngày 06 tháng 5 năm 2014 quy định Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn tỉnh. Bộ tiêu chí là cơ sở đánh giá, phân loại chính quyền cơ sở nhằm phát huy các nhân tố tích cực, tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tại cấp xã.

Ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhập số liệu phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nhằm tạo cơ sở dữ liệu của phần mềm. Qua đánh giá của các đơn vị thì phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tiện ích, giúp đơn vị quản lý nắm bắt chặt chẽ, kịp thời các biến động về nhân sự; tiết kiệm chi phí quản lý và lưu trữ. Đồng thời, thực hiện lưu trữ đầy đủ và thường xuyên cập nhật các thông tin, hồ sơ của cán bộ, công chức; hình thành hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý để có cơ sở đánh giá chất lượng đội ngũ CBCC trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần công khai minh bạch quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hành chính trong các hoạt động. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng các phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; phần mềm một cửa hiện đại, phần mềm quản lý văn bản,... Đồng thời vận hành hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

b) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Việc xây dựng Đề án mô tả vị trí việc làm là một trong những nội dung quan trọng của cải cách chế độ công vụ, công chức. Để triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập là yêu cầu cấp thiết. Từ năm 2012, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án thí điểm và



tổ chức hội nghị sơ kết việc xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm tại UBND huyện Krông Nô và tổ chức 04 lớp tập huấn quán triệt nội dung thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, về kỹ thuật xác định vị trí việc làm cho CBCC, VC trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, Sở Nội vụ đã tổ chức thẩm định đề án của các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh. Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức với 2.073 vị trí việc làm và đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức, với 8.230 vị trí việc làm. Đề án đã được trình Bộ Nội vụ để xem xét, thẩm định, phê duyệt.

*c) Thực hiện các quy định quản lý cán bộ, công chức, viên chức:*

Các Sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quy định về chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo theo danh mục được UBND tỉnh quy định và thực hiện chuyển đổi địa bàn công tác đối với các chức danh công chức cấp xã theo quy định pháp luật và phân cấp hiện hành.

Để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách đối với CBCC, VC trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát lại toàn bộ các chính sách liên quan đến CBCC, VC từ năm 2004 và tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình các chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực phù hợp với tình hình thực tế. Đến nay, UBND tỉnh đã xây dựng các chính sách quan trọng để phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, như: Chính sách khuyến khích CBCC, VC tự túc kinh phí tham gia đào tạo đại học và sau đại học; chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao,... Tuy nhiên, do nguồn lực của tỉnh còn hạn chế nên UBND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh sẽ ban hành trong thời điểm hợp lý.

Công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng CBCC đi vào nề nếp đúng quy định pháp luật, tỉnh xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn dài hạn của tỉnh và triển khai đào tạo dài hạn. Kỷ luật, kỷ cương công vụ được chú trọng, nâng cao. Việc tuyển dụng, kiện toàn đội ngũ công chức cấp xã tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tinh thần, thái độ và trách nhiệm của CBCC chuyển biến tích cực theo hướng đề cao tinh thần phục vụ nhân dân.

Để có nguồn cán bộ trẻ kế cận trong thời gian tới, tỉnh đã quy hoạch đội ngũ cán bộ nguồn dài hạn của tỉnh (gồm 308 cán bộ, công chức trẻ, có năng lực). Đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ nguồn theo nhu cầu thực tế của địa phương. Tỉnh phối hợp với các Trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đào tạo phù hợp với nhu cầu công việc, gồm đào tạo sau đại học và đào tạo ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ nguồn của tỉnh.

*d) Đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC*

Năm 2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1987/QĐ-UBND, ngày 15/12/2011 về ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Hàng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC, làm cơ sở cho việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC trên địa bàn tỉnh.



Thực hiện Nghị định số 18/2010/NĐ-CP, ngày 05/3/2010 của Chính phủ về Đào tạo, bồi dưỡng công chức, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định số 18/2012/QĐ - UBND, ngày 21/9/2012 về việc ban hành Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông. Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng trên cơ sở các quy định của Trung ương và tình hình thực tế tại tỉnh, đây là căn cứ quan trọng để quyết định cử CBCC, VC của tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Năm 2014, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức rà soát số lượng và hiệu quả đào tạo sau đại học của CBCC, VC trên địa bàn tỉnh. Qua rà soát cho thấy, trên địa bàn tỉnh có khoảng gần 500 CBCC, VC đã và đang tham gia đào tạo sau đại học. Trong đó từ năm 2011 đến nay, UBND tỉnh đã quyết định cử 160 cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo và một phần lớn CBCC tự túc kinh phí tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Tại các cơ quan, đơn vị đã chủ động cử CBCC, VC tham gia đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho gần 20.000 lượt CBCC, VC, tỉnh chú trọng đào tạo lý luận chính trị, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; ngoài ra tổ chức các khoá bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm. Đặc biệt, tỉnh tổ chức bồi dưỡng kỹ năng điều hành cuộc họp, kiến thức về dân chủ cơ sở cho khoảng 2.219 cán bộ không chuyên trách và trưởng thôn, buôn, bon.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ CBCC tham gia công tác quản lý, lãnh đạo các cấp phát huy tốt vai trò và khả năng của mình, không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần quan trọng vào sự đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị.

#### *đ) Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức*

Trong thời gian qua, tỉnh cũng thường xuyên chỉ đạo đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức nhằm lựa chọn và phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ CBCC, VC trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, cụ thể:

Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tổ chức 02 kỳ thi tuyển công chức và 01 kỳ thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên. Việc tổ chức các kỳ thi được thực hiện theo nguyên tắc thi tuyển cạnh tranh theo quy định, đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch hơn giai đoạn trước. Đây chính là điểm nổi bật trong công tác quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Thông qua đó, đã tuyển dụng, tuyển chọn được những công chức có năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm 2012, UBND tỉnh ban hành các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông. Trong đó, tỉnh ban hành 03 chính sách gồm: Chính sách hỗ trợ đào tạo, chính sách điều động, luân chuyển cán bộ, công chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ lãnh đạo, chính sách hỗ trợ thôi việc, nghỉ việc, chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác tại cấp xã. Đồng thời, năm 2014, HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sĩ đại học và sau đại học về công tác tại các cơ quan,



đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2020. Đây là hệ thống các chính sách của tỉnh nhằm phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, đặc biệt là một số ngành trọng yếu của tỉnh. Với chính sách cởi mở, trong thời gian qua, tỉnh đã thu hút được 18 người thuộc đối tượng thu hút, trong đó có 04 người có trình độ sau đại học và 14 người có trình độ được sĩ, bác sĩ đại học.

Năm 2014, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Đề án thí điểm thi tuyển các chức danh Trưởng/phó phòng tại các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đề án đã được hoàn thiện, tuy nhiên, do tính chất phức tạp và tính mới của đề án, UBND tỉnh đang xem xét và ban hành trong thời điểm thích hợp.

Tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, trọng dụng người có tài trong hoạt động công vụ cũng như chính sách thu hút nhân lực là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. UBND huyện Đắk R'lấp đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thu hút, tạo nguồn cán bộ trẻ là con em địa phương có học lực khá và phù hợp với nhiều vị trí chuyên môn đồng thời cam kết công tác lâu dài ở địa phương. Qua xét duyệt đã có 52 hồ sơ có điều kiện, được lựa chọn, phân bố đều ở các xã, thị trấn; tại UBND Thị xã Gia Nghĩa cũng đã xây dựng Đề án tạo nguồn cán bộ xã, phường cho những sinh viên địa phương tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác tại xã, phường để tạo nguồn nhằm thay thế đội ngũ cán bộ chưa đủ tiêu chuẩn chức danh cán bộ theo quy định (54 trường hợp).

#### e) Về công chức cấp xã:

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Đắk Nông là 1.527 người. Trong đó, cán bộ cấp xã là 797 người và công chức chuyên môn là 730 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn về chuyên môn theo quy định là 450 người, đạt 56,5%. Số lượng công chức chuyên môn đạt chuẩn theo quy định 713 người, đạt 97,67%.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh đã được nâng cao cả về số lượng, trình độ và chất lượng. Tuy nhiên, so yêu cầu phát triển thì chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu đề ra. Trong năm 2015, thực hiện Quyết định số 124/QĐ - UBND, ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2020, hướng đến xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

#### **4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

Trình độ của CBCC ngày càng được nâng cao, tuy nhiên, năng lực của một bộ phận CBCC, VC còn hạn chế về các mặt: năng lực cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; kỹ năng quản lý hành chính còn hạn chế; kinh nghiệm công tác ít; ý thức trách nhiệm chưa cao. Dẫn đến hiệu quả công tác quản lý trên một số lĩnh vực chưa cao.

Tỉ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn còn thấp, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh.



Công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, đề bạt bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, đánh giá CBCC chưa gắn kết chặt chẽ để trở thành một quy trình cụ thể nên dẫn đến việc thực hiện công tác cán bộ còn rời rạc, chưa tạo thành một quy trình liên hoàn trong công tác cán bộ.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC của tỉnh còn ít nên việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho CBCC, VC của tỉnh chủ yếu phải thuê các cơ sở đào tạo ngoại tỉnh với giá cao, việc mở lớp gặp không ít khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng học tập và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Các chính sách thu hút nguồn nhân lực của tỉnh chưa đủ mạnh nên chưa thực sự đủ mạnh để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao mà tỉnh đang cần. Do đó, số lượng đối tượng thu hút về công tác tại tỉnh trong các năm qua rất thấp.

## **5. Cải cách tài chính công**

### **5.1. Kết quả đạt được**

a) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật ngân sách, hướng dẫn của Bộ Tài chính và điều kiện thực tế của địa phương, tỉnh đã thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi đối với từng cấp: tỉnh, huyện, xã, đã tạo điều kiện cho cấp huyện, cấp xã tận thu vào ngân sách các khoản thu trên địa bàn và cân đối chi theo nhiệm vụ được giao, thực hiện công khai, minh bạch các khoản thu chi tài chính,... Góp phần lành mạnh hóa hoạt động tài chính nhà nước. Ngân sách nhà nước đã được cơ cấu lại theo hướng giảm các khoản chi bao cấp, tăng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên chi cho những nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội quan trọng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc; công tác quản lý và phân cấp ngân sách đã nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của đơn vị, giảm được nhiều khâu thủ tục không cần thiết trong cấp phát ngân sách.

Định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu, biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được quy định cụ thể, tạo cơ sở đánh giá hiệu quả quản lý ngân sách và thực hiện thanh tra, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước và Cục Thuế tỉnh thống nhất quy trình quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn. Chính sách thuế đã được đổi mới theo hướng thích ứng với cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế; trong hệ thống chính sách thuế đã từng bước giảm dần sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế; TTHC trong thu nộp thuế được đơn giản hóa, công khai, minh bạch và dần được hiện đại hóa tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp, công dân giao dịch. Năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 12/CT –UBND, ngày 06/5/2015 về việc tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược cải cách hệ thống Thuế giai đoạn 2011 -2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Đây là cơ sở quan trọng để ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính thuế trên địa bàn tỉnh.

Về cơ chế tài chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công đã từng bước hoàn thiện, bước đầu đã hình thành các văn bản pháp quy quy định rõ các chế độ định mức, tiêu chuẩn vừa tạo thuận lợi cho đơn vị sử dụng vừa có tác dụng nâng cao



kỷ luật kỷ cương, tăng cường trách nhiệm các ngành, các cấp; từng bước xác lập chủ sở hữu đích thực về tài sản nhà nước.

#### b) Về khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính

Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP. Toàn tỉnh có 125 cơ quan, đơn vị đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định 130 của Chính phủ, đạt 100%. Có 14/71 đơn vị cấp xã đã triển khai thực hiện nghị định 130 của Chính phủ, đạt 20%. Đến nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị. Qua quá trình thực hiện, đã tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí, góp phần nâng cao hiệu suất lao động, tăng thu nhập cho CBCC. Thủ trưởng các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ - CP, đến nay có 456 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, đạt 100%. Trong đó, có 11/456 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, chiếm 2,4%. Qua quá trình thực hiện đã phát huy khả năng cung cấp dịch vụ hành chính, đồng thời, huy động sự đóng góp của xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp, giảm dần mức độ đầu tư của ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp.

Trong quá trình thực hiện, lãnh đạo cơ quan hành chính các cấp từng bước nhận thức đầy đủ hơn về cơ chế quản lý tài chính mới, thực hiện tốt quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả biên chế, kinh phí quản lý hành chính.

#### **5.2. Tồn tại, hạn chế:**

Việc khoán biên chế và kinh phí quản lý, chỉ dừng lại ở mức độ tiết kiệm chi phí thường xuyên trong quản lý, chưa tập trung quan tâm việc sắp xếp lại vị trí công tác, cơ cấu ngạch công chức, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCC.

Việc giao khoán kinh phí dựa trên số lượng biên chế, chưa căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ mức độ phức tạp của công việc và kết quả sản phẩm đầu ra công việc của từng cơ quan, đơn vị.

Cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính triển khai chưa đồng bộ, còn chậm theo quy định, hiện nay số lượng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế khoán kinh phí và biên chế còn thấp (14 đơn vị cấp xã). Dẫn đến hiệu quả thực hiện cơ chế khoán kinh phí và biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa cao.

Lãnh đạo một số đơn vị sự nghiệp còn thụ động, thiếu quan tâm nghiên cứu đề xuất mở rộng hoạt động dịch vụ để tạo thêm nguồn thu cho đơn vị, vẫn có tâm lý trông chờ vào nguồn ngân sách nhà nước nên số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thu, chỉ còn rất thấp (chiếm 2,4% tổng số đơn vị sự nghiệp).



Các cơ chế, chính sách hiện hành của nhà nước chưa thật sự là động lực thu hút được nhiều nguồn lực xã hội để thực hiện xã hội hóa; các Bộ ở Trung ương chưa có đề án thực hiện mang tính định hướng chung cho cả nước. Đồng thời các Bộ ngành chủ quản chưa ban hành các tiêu chí đánh giá, phân loại về khoán biên chế và kinh phí quản lý nên địa phương lúng túng khó khăn trong công tác triển khai các chính sách xã hội hoá.

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

### **6.1. Kết quả đạt được**

a) Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương:

Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến đa phương tiện tỉnh Đắk Nông: có 08 điểm cầu (điểm cầu chính đặt tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, 07 điểm cầu còn lại đặt tại 07 UBND huyện), đảm bảo yêu cầu về chất lượng âm thanh, hình ảnh cho 100% các cuộc họp trực tuyến giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, huyện, thị xã và giữa UBND tỉnh với Chính phủ, bộ ngành.

Về hệ thống thư điện tử của tỉnh: hiện tại đã cấp được khoảng 5.000 hộp thư điện tử, đảm bảo 100% cán bộ, công chức, 100% các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã có hộp thư điện tử để thực hiện gửi nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng theo quy định tại Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp các cấp: Có 20/27 cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện đã triển khai ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử (eOffice), đạt 74% và kết nối liên thông phần mềm giữa các đơn vị với nhau để gửi nhận văn bản điện tử qua mạng giúp tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn, phát hành. Riêng UBND thị xã Gia Nghĩa sử dụng phần mềm Qoffice và UBND huyện Đắk G'long sử dụng phần mềm OMS nên chưa được kết nối liên thông vào hệ thống phần mềm chung của tỉnh để gửi nhận văn bản trên môi trường mạng giữa các cơ quan, đơn vị với nhau. Triển khai hệ thống Bản đồ nền Hệ thống tin địa lý (Geographic information system (GIS)) cho toàn tỉnh Đắk Nông.

Xây dựng và vận hành hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: <http://www.daknong.gov.vn>, cùng với 27 Trang thông tin điện tử của các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã. Thực hiện cung cấp 1.490 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2 phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Ngoài ra, cuối năm 2014 đã đưa vào khai thác chuyên mục “Tổ chức, cá nhân hỏi-Cơ quan chức năng trả lời” giúp giải đáp thắc mắc của các tổ chức, cá nhân về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trang dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: Đã triển khai thí điểm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại 03 Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. Bước đầu, việc thực hiện cung ứng dịch vụ công trực



tuyên trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các giao dịch.

Xây dựng và đưa vào sử dụng Cổng Thư viện điện tử tỉnh (<http://thuvien.daknong.gov.vn>) phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, đã cập nhập hơn 7.300 sách, tạp chí điện tử, tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân khi tiếp cận nguồn thông tin.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động quản lý nhà nước:

Thực hiện Quyết định số 144/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 629/QĐ-UBND, ngày 10/5/2011 về việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2013. Tổng chi phí thực hiện cho 32 đơn vị hành chính cấp 2 và 28 cơ quan hành chính thực hiện giai đoạn 2006-2010 chuyển đổi theo mô hình khung đáp ứng nhu cầu của Đề án 30 là: **4.077.000.000 VNĐ (Bốn tỉ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng)**.

Đến nay, tỉnh đã có **58/58** cơ quan theo kế hoạch đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 với phạm vi áp dụng là toàn bộ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công bố theo đề án 30 của UBND tỉnh. Số đơn vị cấp xã đã áp dụng hệ thống QLCLTCVN ISO là 22/71 đơn vị, đạt 31%.

Việc triển khai áp dụng HTQLCL tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông đã đem lại những kết quả đáng ghi nhận, góp phần không nhỏ vào việc minh bạch, hiện đại hóa nền hành chính, đem lại sự hài lòng cho các tổ chức, công dân, tạo môi trường và tâm lý làm việc thoải mái cho cán bộ, công chức, lãnh đạo đơn vị dễ dàng kiểm soát được quá trình giải quyết công việc của cấp dưới.

c) Tình hình triển khai xây dựng trụ sở của cơ quan hành chính ở địa phương:

Trong giai đoạn vừa qua, với sự hỗ trợ của Trung ương và nguồn kinh phí của tỉnh, đã triển khai xây dựng 15 công trình trụ sở UBND xã, phường, thị trấn, trong đó có 13 công trình đã đưa vào sử dụng và 02 công trình đang xây dựng. Tổng kinh phí thực hiện là 48.639 triệu đồng. Việc thực hiện Quyết định số 1441/QĐ -TTg, ngày 06/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ, đã hỗ trợ tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho một số UBND xã, phường, thị trấn được khang trang, hiện đại hơn. Tuy nhiên, do nhu cầu của địa phương rất lớn, trong khi đó ngân sách trung ương hỗ trợ còn hạn chế (chiếm khoảng 25-30% tổng mức đầu tư), ngân sách đầu tư của tỉnh còn thấp nên thực trạng trụ sở làm việc của UBND cấp xã xuống cấp vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.



Nhìn chung, lãnh đạo các cấp, các ngành và đội ngũ CBCC ngày càng nhận thức đúng tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý, góp phần tích cực trong đổi mới phương thức, lề lối làm việc và thực tế đã khẳng định tính hiệu quả. Trình độ tin học của đội ngũ CBCC được nâng lên. Môi trường, điều kiện làm việc của CBCC được cải thiện đáng kể.

## **6.2. Tồn tại, hạn chế**

Đa số các Trang thông tin điện tử nội dung thông tin còn hạn chế, chưa cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Trang Công báo của tỉnh đã ngưng hoạt động để nâng cấp nên việc cập nhật thông tin, văn bản QPPL gặp nhiều khó khăn.

Việc cấp kinh phí cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã để duy trì Trang thông tin điện tử cho các cơ quan, đơn vị trong cơ quan nhà nước còn thấp, chưa thống nhất. Bên cạnh đó, việc đăng tải các thông tin trên trang thông tin điện tử của các đơn vị chưa kịp thời, đầy đủ.

Đa số các cơ quan, đơn vị chưa chấp hành nghiêm Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh và Công văn số 75/UBND-CNXD ngày 09/01/2014 của UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, dẫn đến tỷ lệ văn bản trao đổi qua môi trường mạng còn hạn chế.

Một số cán bộ lãnh đạo chưa quan tâm chỉ đạo sát quyết liệt trong việc ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị phục vụ công tác chuyên môn. Nhiều cán bộ công chức còn giữ thói quen, lề lối làm việc cũ, xử lý công việc trên văn bản giấy, dẫn đến hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý tại một số cơ quan, đơn vị chưa đạt hiệu quả.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đầy đủ hoặc đã xuống cấp và hư hỏng (như mạng LAN, máy chủ,...) gây khó khăn cho quá trình triển khai, vận hành và sử dụng phần mềm văn phòng điện tử. Bên cạnh đó, đa số cán bộ, công chức về CNTT tại một số cơ quan đơn vị còn kiêm nhiệm, hạn chế về trình độ chuyên môn nên việc quản trị, triển khai và hướng dẫn triển khai ứng dụng, sử dụng các phần mềm quản lý chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của cơ quan, đơn vị.

Số thủ tục hành chính giải quyết trên thông một cửa điện tử còn hạn chế so với tổng số thủ tục hành chính, việc giải quyết thủ tục hành chính mới dừng lại quản lý trích yếu văn bản, hồ sơ; đồng thời, chuyển văn bản, hồ sơ bằng giấy để xử lý (xử lý thủ công) nên hiệu quả giải quyết hồ sơ chưa cao, chưa tiết kiệm chi phí đi lại cho CBCC và người dân.

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 còn hạn chế nên nhiều nội dung, mục tiêu chưa triển khai được.

Trung ương chưa có quy định thống nhất mô hình và tiêu chuẩn về trang thiết bị, phương tiện làm việc của từng loại hình cơ quan hành chính và nhất là



các phần mềm ứng dụng để tạo tính đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương chuẩn bị cho lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử.

Tình trạng trụ sở làm việc của UBND cấp xã xuống cấp vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, gây khó khăn trong việc triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở cơ sở.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Những kết quả tích cực đã đạt được**

Được sự chỉ đạo sâu sát và thường xuyên của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác CCHC trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các cấp uỷ Đảng đã nêu cao vai trò lãnh đạo của mình trong công tác CCHC, chỉ đạo chính quyền các cấp tập trung thực hiện nghiêm túc các nội dung, chương trình đã đề ra, chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ; công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cũng đã được tăng cường ở các cấp, các ngành. Nhận thức về CCHC của lãnh đạo các cấp, các ngành của toàn thể CBCC và nhân dân trên địa bàn tỉnh được nâng lên đáng kể.

Thể chế của bộ máy hành chính được cải cách và hoàn thiện một bước cơ bản đảm bảo yêu cầu quản lý; quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên rõ rệt, cơ chế, chính sách bước đầu đã dần đồng bộ, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền của địa phương; TTHC đã được công khai và đang từng bước đơn giản; Tổ chức bộ máy được sắp xếp gọn về đầu mối theo hướng đa ngành đa lĩnh vực; hiệu lực và hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của hệ thống hành chính đã được nâng cao rõ rệt, đảm bảo tính thống nhất, đồng thời có sự phân công, phân cấp rõ hơn để phát huy tính năng động, chủ động và tự chủ của cấp dưới. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục được điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ xã hội; mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với người dân, doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể.

Đội ngũ CBCC, viên chức được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; quản lý tài chính công từng bước được đổi mới xóa bỏ dần cơ chế xin - cho; Bộ máy hành chính từng bước được hiện đại hóa và tạo ra nền tảng cơ sở cho việc xây dựng Chính phủ điện tử,...

Nhìn chung, công tác CCHC của tỉnh được đẩy mạnh thực hiện, góp phần chung vào việc duy trì tốc độ phát triển kinh tế, xã hội hàng năm của tỉnh, đạt trên 12%, được người dân, doanh nghiệp đồng tình, ủng hộ cao trong thực hiện cải cách hành chính, bằng chứng cụ thể: Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được cải thiện, năm 2011 chỉ số PAPI xếp hạng số 51/63 tỉnh, thành, đến năm 2014 xếp hạng 22/63 tỉnh, thành (*tăng 29 bậc so với năm 2011 và tăng 10 bậc so với năm 2013*). Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trong các năm 2012, 2013 đều có sự cải thiện tích cực. Ngoài các chỉ số do các tổ chức, cơ quan trung ương thực hiện thì tình tổ chức điều tra mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ hành chính công cung cấp tại bộ phận Một cửa, mức độ hài lòng của người dân



đang có xu hướng tăng, năm 2010, mức độ hài lòng của người dân đối với Bộ phận một cửa cấp xã đạt 80%, cấp huyện đạt 70% thì đến năm 2013, mức độ hài lòng của người dân đối với hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp đều đạt trên 80%.

## **2. Tồn tại, hạn chế:**

So với lộ trình chung của Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, hiện nay công tác CCHC tỉnh Đắk Nông vẫn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, hiệu quả còn thấp so với mục tiêu đặt ra, một số tồn tại cơ bản hiện nay là:

- Nhận thức trách nhiệm về công tác CCHC của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa toàn diện, có nơi có lúc còn xem nhẹ, số lượng văn bản QPPL ban hành tuy nhiều, nhưng hiệu quả thi hành chưa cao. Tính công khai, thuận tiện trong giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân vẫn còn hình thức, chưa thật sự hiệu quả. Việc thực hiện đơn giản hoá TTHC còn hạn chế, số lượng TTHC còn nhiều và phức tạp.

- Đội ngũ CBCC, viên chức tuy trẻ, có trình độ chuyên môn nhưng vẫn còn hạn chế nhiều về kiến thức kỹ năng quản lý nhà nước. Các chính sách thu hút động lực thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính nhà nước.

- Cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm trong quản lý biên chế và kinh phí triển khai không đồng bộ còn ở mức độ hạn chế. Việc triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh còn chậm so với Kế hoạch đặt ra.

- Cơ sở hạ tầng về thông tin quản lý còn yếu kém, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước còn chậm và hiệu quả chưa cao.

- Trong giai đoạn vừa qua, một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, như: 31% đơn vị cấp xã áp dụng HTQLCL là chưa đạt mục tiêu đề ra (60%), 28% đơn vị cấp xã thực hiện một cửa hiện đại chưa đạt mục tiêu kế hoạch (40%); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3. Bên cạnh đó có một số nhiệm vụ chưa thể đánh giá, thống kê cụ thể chỉ số như: mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công về Y tế, giáo dục; tỷ lệ văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn qua môi trường mạng. Đây là một trong những tồn tại, hạn chế cơ bản trong quá trình thực hiện kế hoạch CCHC của tỉnh giai đoạn 2011 -2015.

## **3. Một số nguyên nhân chủ yếu**

### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tỉnh Đắk Nông là một tỉnh vùng cao, mới chia tách, đa số đồng bào các dân tộc sinh sống trên địa bàn trình độ dân trí thấp, địa bàn tỉnh bị chia cắt, dẫn đến khó khăn cho công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước;

- Các điều kiện về cơ sở vật chất, chính sách đãi ngộ, chế độ tiền lương, môi trường làm việc cho CBCC, VC còn thấp so với vật giá hiện tại, dẫn đến sự tâm huyết với nghề, tập trung toàn trí lực cho công việc là hạn chế.



- Việc phân bổ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC chưa tập trung, chưa có định hướng cụ thể trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện CCHC nên hiệu quả thực hiện cải cách hành chính chưa cao.

### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Sự chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các ngành, các cấp chưa thật sự quyết liệt.

- Nhiều Nghị định của Chính phủ đã ban hành, nhưng các bộ, ngành Trung ương chậm trong việc ban hành thông tư hướng dẫn nên địa phương lúng túng, có tâm lý chờ đợi hướng dẫn mới triển khai, thực hiện dẫn đến hiệu lực thi hành của các văn bản chưa cao.

- Một số văn bản QPPL của các bộ, ngành ban hành nhưng chưa thống nhất, thường tạo những thuận lợi cho ngành mà chưa thật sự có tính cải cách tạo thuận lợi cho đối tượng quản lý.

- CBCC đảm trách nhiệm vụ CCHC ở các ngành, các cấp đều thường xuyên thay đổi nên khả năng tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo ngành, địa phương chậm và yếu, chưa có những điểm đột phá.

- Công tác kiểm tra chưa được thường xuyên, việc chỉ đạo khắc phục những sai sót, hạn chế còn chậm.

### **4. Một số bài học kinh nghiệm**

Từ thực tiễn thực hiện cải cách hành chính, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Đối với cấp ủy Đảng, cần tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Sự chỉ đạo, điều hành kiên quyết của Cấp ủy và người đứng đầu các cấp, các ngành là yếu tố quyết định sự thành công trong công tác CCHC ở mỗi cơ quan, đơn vị.

- Đối với chính quyền các cấp, phải xây dựng được Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC trong năm, phân công cụ thể CBCC phụ trách, quy trách nhiệm cụ thể khi không hoàn thành nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc để có giải pháp khắc phục.

- Việc thực hiện nhiệm vụ CCHC phải có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn khâu đột phá trong từng năm, từng giai đoạn cụ thể. Trong quá trình vận dụng các giải pháp CCHC, phải xem xét sự phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ CBCC, động viên, khuyến khích nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc CCHC.

- Tăng cường tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước và đội ngũ CBCC nhà nước. Kiên quyết và xử lý nghiêm, kịp thời những biểu hiện tiêu cực sau thanh tra, kiểm tra, giám sát.

- Tổ chức tuyên truyền các nội dung CCHC có trọng tâm, trọng điểm. Phát huy vai trò thực hiện giám sát, kiểm tra của nhân dân và các tổ chức đoàn



thể; Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát, góp ý và phê bình trước công luận.

## **Phần thứ hai** **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TỈNH ĐẮK NÔNG** **GIẢI ĐOẠN 2016 – 2020**

Căn cứ Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020. UBND tỉnh Đắk Nông đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2016 -2020, nội dung cụ thể như sau:

### **I. Mục tiêu, kết quả dự kiến của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020**

#### **1. Mục tiêu chung:**

- Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

- Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước các cấp thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của cơ quan hành chính nhà nước.

- Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của địa phương.

Trọng tâm cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn 2016-2020 là triển khai tất cả các nội dung cải cách, tuy nhiên, ưu tiên tập trung các lĩnh vực sau: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

- 100% văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh được hệ thống hoá, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

- Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, 100% TTHC mới ban hành được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định.

- Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân. 100%



các cơ quan hành chính nhà nước triển khai thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường thực hiện.

- Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ( thông qua Bộ phận một cửa) đạt mức trên 80% vào năm 2020.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã kết nối mạng WAN; 100% cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện và 70% cán bộ công chức cấp xã đều có máy tính để làm việc.

- Đảm bảo trên 70% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Trong đó, đảm bảo 100% văn bản hướng dẫn, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, văn bản chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh được lưu truyền trên môi trường mạng, giảm thiểu sử dụng giấy tờ.

- 100% cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong hoạt động chuyên môn. 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện và trên 70% cán bộ cấp xã sử dụng thành thạo các phần mềm điều hành, tác nghiệp đã được triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo, đến năm 2020 cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức 3 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và triển khai thí điểm 10-20 dịch vụ hành chính công mức 4.

## **II. Các nhiệm vụ trọng tâm**

### **1. Cải cách thể chế**

- Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu lực, không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội tại tỉnh;

- Xây dựng và ban hành mới kịp thời các thể chế còn thiếu để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh.

- Thể chế hoá kịp thời các quy định về thể chế của Trung ương vào điều kiện thực tế tại tỉnh, ưu tiên cho việc xây dựng các quy định về chính sách thu hút đầu tư, xây dựng; chính sách khuyến khích phát triển các ngành: dịch vụ, du lịch, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp chất lượng cao, khoa học - công nghệ, khai thác khoáng sản,...

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về xã hội hoá theo hướng phân định rõ trách nhiệm Nhà nước trong chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng các dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Đồng thời xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng các công trình, sản phẩm xã hội hoá cung cấp cho người dân và xã hội.

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế về mối quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và nhân dân, trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lấy



ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và phát huy hơn nữa quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ CBCC tham mưu xây dựng và ban hành các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin về quy trình rà soát, hệ thống hoá, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực.

- Công bố, công khai các quy định và văn bản quy phạm pháp luật của trung ương, của tỉnh thông qua các phương tiện hiệu quả nhất như qua Internet hay tổ chức các buổi thông tin, tọa đàm, giới thiệu về các văn bản, quy định mới.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thành phần hồ sơ, bảo đảm giảm thiểu và loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo không cần thiết. Xây dựng quy trình giải quyết hợp lý, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, công khai trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân. Xây dựng quan hệ công dân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước thân thiện hơn. Tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong ngành thuế, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện các TTHC về thuế, đến năm 2020 giảm tối thiểu 25 -30% thời gian thực hiện các TTHC về thuế.

- Thống kê, rà soát đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định, đồng thời tiến hành điều chỉnh, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bãi bỏ các TTHC không phù hợp với tình hình thực tế.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ công dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ tư vấn pháp luật. Đặc biệt, chú trọng việc hỗ trợ người nghèo, người thuộc diện chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện cho các luật sư hoạt động tư vấn pháp luật hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức; 100% Thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh phải được niêm yết công khai, minh bạch, rõ ràng, đầy đủ tại trụ sở các cơ quan, đơn vị; đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; duy trì và cập nhật thường xuyên các thủ tục hành chính về cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tăng cường đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện.

- Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.



### **3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, các cơ quan, tổ chức khác thuộc bộ máy hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công) theo chương trình tổng rà soát của Trung ương và cấp có thẩm quyền.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định 24/2014/NĐ - CP, ngày 04/04/2014 và Nghị định 37/2014/NĐ - CP, ngày 05/05/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý và điều hành công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; đề cao vai trò chủ động, tinh thần, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt quy định về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực thi công vụ và trong thực hiện công tác CCHC.

- Thực hiện đồng bộ, thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện quy chế giám sát, đánh giá công việc và chế độ báo cáo của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cơ quan trên địa bàn tỉnh; đảm bảo bộ phận một cửa thực hiện đúng chức năng được giao. Đồng thời tăng cường thu thập ý kiến công dân đối với hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, tồn tại và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước - đơn vị sự nghiệp - cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh nhằm từng bước chấn chỉnh tổ chức hoạt động bộ máy và cán bộ Chính quyền cơ sở, đổi mới phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở để gần dân hơn và phù hợp với tính chất quản lý hành chính Nhà nước về kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; chất lượng dịch vụ công từng bước được nâng cao, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế; bảo đảm đến năm 2020, sự hài lòng mức độ hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong lĩnh vực y tế, giáo dục đạt trên 80%.

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, Viên chức**

- Tiếp tục đổi mới phương pháp tuyển dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức theo quy định và phù hợp nhu cầu vị trí việc làm; cơ chế thi tuyển bảo đảm tính dân chủ, công khai và cạnh tranh chọn đúng người đủ tiêu chuẩn vào bộ máy nhà nước.



- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm.

- Đổi mới cơ chế quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC,VC ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí việc làm, và chuẩn hóa theo chức danh cho cán bộ, công chức (kể cả cán bộ quản lý và công chức chuyên môn) bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp.

- Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện Đề án xác định vị trí việc làm gắn với cơ cấu công chức. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng và cơ cấu hợp lý, khoa học.

- Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức sau đào tạo (đánh giá hiệu quả sau đào tạo), tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức hàng năm nhằm đánh giá hiệu quả thực thi công vụ và sử dụng ngân sách dành cho đào tạo, bồi dưỡng.

- Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ; Quy chế công vụ, Quy chế dân chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước, nguyên tắc công khai hóa hoạt động công vụ, nhất là trong các công việc có quan hệ trực tiếp với công dân, tổ chức; trong lĩnh vực tài chính, ngân sách; bảo đảm thực hiện kỷ cương của bộ máy, nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước các cấp để phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức mắc sai phạm.

## **5. Cải cách tài chính công**

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị cung ứng dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ và kết quả chất lượng công việc của từng cơ quan, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản khác liên quan đến cơ chế tự chủ tài chính trong các cơ quan, đơn vị.

- Động viên hợp lý, phân phối và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện cân đối ngân sách tích cực, bảo đảm tỷ lệ tích lũy hợp lý cho đầu tư phát triển; dành nguồn lực cho con người, nhất là cải cách tiền lương và an sinh xã hội.

- Rà soát và đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý về tài chính theo đúng Luật ngân sách, đảm bảo thực hiện quyền quyết định ngân sách của HĐND các cấp. Phân cấp quản lý nguồn thu chi cho cấp huyện và cấp xã để địa phương chủ động sử lý các công việc.

- Thực hiện quyền chủ động về ngân sách được phân bổ cho các sở, ban, ngành và các đơn vị được cấp ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt.



Thực hiện tốt cơ chế thanh tra, kiểm tra tài chính trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Xây dựng lộ trình thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp tại địa bàn tỉnh. Lấy việc phục vụ lợi ích xã hội làm phương châm hoạt động của đơn vị sự nghiệp, huy động mọi nguồn lực của xã hội tham gia phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, đặc biệt là một số lĩnh vực về giáo dục, đào tạo, y tế, môi trường, văn hoá, thể dục, thể thao,...

- Ngoài ra thực hiện các nhiệm vụ cải cách theo chuyên đề (nếu có) do Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương giao hàng năm.

## **6. Hiện đại hoá nền hành chính**

- Tập trung sớm hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, nối kết Website các cơ quan, đơn vị, nâng cấp các trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, công việc qua mạng Internet được thông suốt, đồng bộ.

- Nâng cấp các mạng LAN, máy tính của các sở/ngành; huyện/thị và Trung tâm tích hợp dữ liệu; Trang bị hệ thống máy chủ cho các đơn vị cơ quan Đảng và Nhà nước đảm bảo triển khai tốt các hệ thống thông tin quản lý, điều hành, tác nghiệp trong các đơn vị; Mở rộng và hoàn thiện mạng WAN của tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin cho 100% cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo các mức độ và lĩnh vực chuyên trách khác nhau. Cử cán bộ đi đào tạo và thu hút lực lượng kỹ sư công nghệ thông tin trẻ đã được đào tạo chính quy, biên chế vào các vị trí chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị.

- Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp (FDI), hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua việc xã hội hoá để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: Vốn từ ngân sách nhà nước, huy động vốn trong các doanh nghiệp, trong nhân dân, huy động vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động dịch vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công.



- Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản và cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, chú trọng áp dụng tại Ủy ban nhân dân các xã phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư trụ sở làm việc cấp xã, đáp ứng với yêu cầu quản lý nhà nước; trang bị đầy đủ, đồng bộ phương tiện, trang thiết bị cho các đơn vị, địa phương; bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

- Ngoài ra thực hiện các nhiệm vụ cải cách theo chuyên đề (nếu có) do Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương giao hàng năm.

### **III. Các giải pháp đảm bảo thực hiện**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện cải cách hành chính đồng bộ, thống nhất theo ngành, lĩnh vực. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi phụ trách, xem đó là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác trong toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp.

Tập trung nâng cao chất lượng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tình trạng văn bản ban hành thiếu tính toàn diện, đồng bộ do thiếu dự báo khoa học mang tính chiến lược. Triển khai thực hiện đánh giá & theo dõi kết quả công tác CCHC để mức độ hoàn thành mục tiêu đề ra hàng năm, giai đoạn của từng nội dung, nhiệm vụ.

#### **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Xác định nội dung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ then chốt và động lực của Chương trình cải cách hành chính. Do đó, cần xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý, sử dụng. Cán bộ, công chức được bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phù hợp với điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Thực hiện nghiêm quy chế về đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc; tăng cường công tác kiểm tra và xây dựng các kênh thông tin đánh giá công chức đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan.

#### **3. Công chức chuyên trách cải cách hành chính**

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ CBCC chuyên trách thực hiện CCHC tại các cấp, các ngành. Đồng thời nâng cao năng lực,



trình độ và có chính sách ưu đãi, hỗ trợ thích hợp cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách cải cách hành chính các cấp, các ngành.

#### **4. Công tác kiểm tra**

Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác CCHC. Chú trọng thanh tra, kiểm tra về quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, căn cứ vào các tiêu chí Bộ chỉ số của UBND tỉnh ban hành, đánh giá, tiến hành kiểm tra, đánh giá và phân loại xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

**5. Ứng dụng công nghệ thông tin:** Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu suất công việc.

**6. Thông tin, tuyên truyền:** Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính bằng nhiều hình thức thiết thực và thích hợp: báo, đài, công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, tờ rơi, ..., giúp cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân nắm bắt và thực hiện, tạo mối quan hệ tích cực, thân thiện giữa cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân. Nội dung, hình thức tuyên truyền CCHC phong phú, chính xác và kịp thời. Chuyển tải thông tin nhanh chóng, mang tính thời sự.

**7. Kinh phí:** Đảm bảo ngân sách cho thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đạt được các mục tiêu, chương trình, hoạt động đề ra.



### **Phần thứ ba NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT TRUNG ƯƠNG**

- Trung ương sớm ban hành quy định cụ thể tiêu chí đánh giá công chức trên cơ sở kết quả công việc, quy định về chính sách hỗ trợ, thu hút người có tài năng trong hoạt động công vụ.

- Hỗ trợ địa phương trong việc áp dụng phần mềm tổ chức thi tuyển trên máy tính để bảo đảm các thực hiện đồng bộ, khách quan, công bằng, chất lượng, tuyển dụng người thực tài trong công tác tuyển dụng công chức.

- Tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBCC tại địa phương, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên trách CCHC tại địa phương và tổ chức các hội nghị chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện CCHC giữa các tỉnh, thành trong cả nước.

- Bộ Tài chính cần hướng dẫn cụ thể cách thức phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC tại địa phương. Đồng thời, Trung ương cần có cơ chế hỗ trợ nguồn kinh phí để các tỉnh đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ CCHC toàn diện.

- Tiếp tục hỗ trợ tỉnh Đắk Nông trong việc đầu tư trụ sở làm việc cấp xã, đáp ứng với yêu cầu quản lý nhà nước.



- Tổ chức huy động các nguồn vốn hợp pháp từ các dự án nước ngoài để phân bổ và hỗ trợ các tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, đồng thời ưu tiên hỗ trợ các tỉnh còn nhiều khó khăn.

- Tiếp tục xây dựng Đề án và thực hiện hiệu quả cải cách công vụ, công chức giai đoạn 2016-2020.

- Bộ Khoa học và Công nghệ sớm ban hành hướng dẫn việc xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO.

- Các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục tham mưu các văn bản để tạo cơ sở pháp lý cho dịch vụ công: xác định rõ phạm vi, mô hình quản lý, phương thức hoạt động cũng như quyền hạn và trách nhiệm tự chủ của người đứng đầu các đơn vị thực hiện dịch vụ công và từng loại hình, ngành nghề các đơn vị sự nghiệp công làm cơ sở cho việc triển khai, thực hiện các chính sách xã hội hoá trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo đánh giá sơ kết công tác CCHC tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016-2020. Kính trình Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KHTH.

10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Bốn**





**PHỤ LỤC**

**Báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Đắk Nông**  
(Kèm theo Báo cáo số 291/BC-UBND, ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Số văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh (Quyết định, Chỉ thị, Công văn hướng dẫn...)	2	4	6	7	2	
2	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC của tỉnh	5	10	13	13	20	
3	Số lượng các hình thức tuyên truyền CCHC tại tỉnh	3	3	4	3	5	
4	Số mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được triển khai áp dụng	1	2	2	4	2	
5	Số văn bản QPPL do tỉnh ban hành hàng năm	48	50	54	46	15	
6	Số VPQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh được rà soát, hệ thống hóa	12	124	216	935	70	
7	Số văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế	0	9	32	27	5	
8	Số văn bản đề nghị bãi bỏ, hủy bỏ	3	7	1	24	2	
9	Số thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính của tỉnh (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã)	1.491				1.791	
10	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	
11	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	700	700	700	700	700	
12	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	40	40	40	40	36	
13	Số cơ quan hành chính cấp tỉnh (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định Số 24/2014/NĐ-CP)				19	19	



14	Số đơn vị chính cấp huyện	8	8	8	8	8	8
15	Số đơn vị chính cấp xã	71	71	71	71	71	71
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc (thống kê tổng số cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)				456	456	456
17	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)	0	0	1	1	1	1
18	Tổng số biên chế của tỉnh	15.790	16.216	16.287	16.287	16.287	16.287
19	Số lượng công chức cấp xã	431	579	606	700	730	730
20	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	701	711	938	1.119	1.163	1.163
21	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1200	1200	1100	700	1000	1000
22	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh	45	48	30	45	20	20
23	Số cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	3600	3850	4000	3700	2500	2500
24	Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính	0	0	14	14	14	14
25	Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ chịu trách nhiệm				456	456	456
26	Tỷ lệ số văn bản chính thức được trao đổi dưới dạng điện tử	10%	20%	30%	40%	40%	40%
27	Tỷ lệ công chức được cấp hộp thư điện tử	40%	70%	100%	100%	100%	100%
28	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	6	11	20	20	20	20





29	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	27	27	27	27	27	27	
30	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Công (hoặc Trang) thông tin điện tử	10	15	21	26	26	26	
31	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có bản công bố ISO	26	26	26	26	26	26	
32	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	18	18	18	18	18	18	
33	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	8	8	8	8	8	8	
34	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	71	71	71	71	71	71	
35	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	20	22	25	27	27	27	
36	Số huyện thực hiện mô hình một cửa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại	1	3	7	8	8	8	



